TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 12 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lên
Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 737/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Mộng N, sinh năm 1987 (Có mặt);
Bị đơn: Anh Lâm Văn H, sinh năm 1980 (Vắng mặt);
Cùng cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2023, nguyên đơn chị Huỳnh Mộng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Văn H chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức hôn lễ theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do không còn tình cảm với anh H nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung bao gồm Lâm Hồ Lĩnh, sinh ngày 23/4/2006; Lâm Hồ Lãm, sinh ngày 05/6/2008; Lâm Gia Bảo, sinh ngày 05/9/2012. Các con hiện do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu giao các con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng; chị sẽ tự thoả thuận và thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh H sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lâm Văn H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H để tham dự phiên tòa nhưng anh H không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H về các nội dung khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lâm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Mộng N và anh Lâm Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung bao gồm Lâm Hồ Lĩnh, sinh ngày 23/4/2006; Lâm Hồ Lãm, sinh ngày 05/6/2008; Lâm Gia Bảo, sinh ngày 05/9/2012. Khi ly hôn, chị N yêu cầu giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ khi chị N và anh H ly thân, các cháu Lĩnh, Lãm, Bảo do anh H trực tiếp nuôi dưỡng; chị N xác định hiện nay chị không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng các con (Không có việc làm và chỗ ở); anh H nhận các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu về con chung của chị N. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu Lĩnh, Lãm, Bảo, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao các cháu Lĩnh, Lãm, Bảo cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh H về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh H về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Mộng N.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Mộng N và anh Lâm Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Lâm Hồ Lĩnh, sinh ngày 23/4/2006; cháu Lâm Hồ Lãm, sinh ngày 05/6/2008; cháu Lâm Gia Bảo, sinh ngày 05/9/2012 cho anh Lâm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Mộng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con mà không ai được cản trở. Chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với anh H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Chị Huỳnh Mộng N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 07/11/2023 chị N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004026 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Huỳnh Mộng N có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lâm Văn H có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà